

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 397/2017/HSST  
Ngày: 04/10/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga**

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Quốc Đẩu**

2. Bà **Nguyễn Thị Mai Phương**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Quang Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện VKSND thành phố Vinh tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Sỹ Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017; tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 367/2017/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 462/2017/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Đình Đ;** Sinh ngày: 27 tháng 7 năm 1990 tại ND, NA; Nơi cư trú: Khối T, Thị trấn ND, huyện ND, NA; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, Sinh năm: 1940 và bà: Trần Thị L, Sinh năm: 1949; Có vợ: Nguyễn Thị N, Sinh năm: 1989 và có 2 con: lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2017 đến nay, có mặt tại phiên toà.

**2. Võ Văn N;** Sinh ngày: 29 tháng 5 năm 1993 tại ND, NA; Nơi cư trú: Khối T, Thị trấn ND, huyện ND, NA; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Văn B (đã chết) và bà: Thái Thị N, Sinh năm: 1962; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2017 đến nay, có mặt tại phiên toà.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/6/2017, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Võ Văn N đã mượn điện thoại của một người không quen biết, điện cho Nguyễn Đình Đ, theo số điện thoại của Đ là 0971.175487. Trên điện thoại, N rủ Đ và hẹn gặp nhau tại khu vực vườn hoa CN, thành phố V để mua ma túy cùng sử dụng. Tại điểm hẹn, N đưa cho Đ 250.000 đồng. Đ cầm tiền và nói N đi đến khu vực cầu vượt phường C chờ, còn Đ đi đến khu vực bến xe V thuộc Phường L, thành phố V mua ở một nam thanh niên không quen biết 01 gói heroin với giá 200.000 đồng, 50.000 đồng còn lại Đ đã trả tiền xe hết. Sau khi đã mua được ma túy, Đ đi đến khu vực cầu vượt phường C, thành phố V gặp N để cùng sử dụng ma túy. Tại đây các đối tượng đã bị tổ công tác Công an Phường C, thành phố V bắt quả tang, thu giữ ở Đ 01 gói potylen màu trắng, bên trong là gói giấy bạc màu vàng, trong cùng có chất cục bột màu nâu. Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Nguyễn Đình Đ và Võ Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại ngày 16/6/2017 của Công an thành phố V và Kết luận giám định số 705/KL-PC54 (MT) ngày 23/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NA kết luận: “Mẫu chất cục bột màu nâu thu giữ của Nguyễn Đình Đ và Võ Văn N gửi tới giám định là chất ma túy (heroin). Chất cục bột màu nâu (01 gói) thu giữ của Nguyễn Đình Đ và Võ Văn N có trọng lượng là 0,100 gam”.

Vật chứng vụ án: 01 phong bì thư niêm phong, bên trong đựng số ma túy (heroin) thu giữ của Nguyễn Đình Đ và Võ Văn N; 01 điện thoại di động Nokia 1209 màu đen, trong có số sim 0971.175487.

Tại Bản cáo trạng số 402/VKS-HS ngày 19/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh đã truy tố Nguyễn Đình Đ, Võ Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7, Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội: xử phạt mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Ngoài ra, còn đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và xử lý vật chứng là: Áp dụng Điều 76 BLTTHS, Điều 41 BLHS: Tịch thu tiêu hủy 0,100 gam ma túy (heroin) thu giữ từ Nguyễn Đình Đ và Thái Văn N; tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 1209 màu đen.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết và không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai của người làm chứng anh Phan Đức B (BL 58 – 63); Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi cất giấu trái phép một gói ma túy (hêrôin) có trọng lượng là 0,100 gam để sử dụng của Nguyễn Đình Đ và Võ Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 194 BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết.

Đây là vụ án thuộc loại nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước đối với các chất gây nghiện như heroin. Bản thân các bị cáo đều hiểu rõ tác hại của ma túy đối với trí lực và thể lực của người sử dụng, biết rõ ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm bị nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển... trái phép. Tuy nhiên, để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, các bị cáo vẫn liều lĩnh thực hiện hành vi phạm tội, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung.

Xét vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với Võ Văn N là kẻ khởi xướng việc phạm tội còn Nguyễn Đình Đ lại tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên hai bị cáo cùng giữ vai trò ngang nhau. Vì vậy, cần xử phạt hai bị cáo một mức án ngang bằng nhau mới tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Mặt khác, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Bộ luật hình sự năm 2015 để thay thế BLHS năm 1999. Trong đó, tại Khoản 1 Điều 249 có quy định “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...c. Hêrôn, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 đến dưới 05 gam...*”. Như vậy, so với quy định của BLHS năm 1999 về tội tàng trữ trái phép chất ma túy thì mức hình phạt trong BLHS năm 2015 nhẹ hơn. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 thì: “*Điều luật ..., quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới...thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành*”. Nên theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì cần áp dụng khoản 3 Điều 7 và Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để giảm nhẹ phần nào hình phạt đối với các bị cáo.

[2.2]. Về hình phạt bổ sung: Đáng lẽ đối với hai bị cáo cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền mới đủ nghiêm nhưng xét thấy hiện nay các bị cáo đều không có công ăn việc làm ổn định, lại là con nghiện ma túy, tài sản riêng không có gì nên miễn cho các bị cáo.

Trong vụ án này, đối với nam thanh niên tại khu vực bến xe V đã bán ma túy cho Đ nhưng do Đ không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể. Vì vậy, khi nào xác minh, làm rõ sẽ xử lý sau.

[2.3]. Về xử lý vật chứng: Đối với 0,100 gam ma túy (heroin), sau khi lấy đi giám định còn lại là 0,065 gam, thu giữ tại Nguyễn Đình Đ, Võ Văn N là đối tượng phạm tội cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Riêng 01 điện thoại Nokia màu đen, đã qua sử dụng, có số thuê bao 0971.175487 là công cụ, phương tiện bị cáo Nguyễn Đình Đ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

\*. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Tuyên bố:** Các bị cáo **Nguyễn Đình Đ và Võ Văn N** đều phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”.

\*. Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7, Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: - Bị cáo **Nguyễn Đình Đ: 15** (Mười lăm) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/6/2017.

- Bị cáo **Võ Văn N: 15** (Mười lăm) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/6/2017.

\*. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 41 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì thư niêm phong, trong có chứa 0,065 gam ma túy (herôin) thu giữ tại Nguyễn Đình Đ và Võ Văn N (mặt trước của phong bì có ghi “Vật chứng thu của Nguyễn Đình Đ, Võ Văn N”).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, có số thuê bao 0971.175487.

(Chi tiết vật chứng có tại Phiếu nhập kho số NK715 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh).

\*. *Về án phí:* Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **Nguyễn Đình Đ, Võ Văn N** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh Nghệ An
- VKSND thành phố Vinh
- Chi cục THADS thành phố Vinh
- Công an thành phố Vinh
- Sở Tư pháp Tỉnh Nghệ An
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng
- Lưu HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Nga**